TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 554/2019/ DS-ST
Ngày: 29/5/2019
V/v: Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Tường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Minh Sự
Bà Lê Thị Bích Dung

Thư ký Toà án: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 và 29/5/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 584/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2017, về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2020/2019/QĐST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quý Đ, sinh năm 1964 (có mặt)
Địa chỉ: 686/52 CMTT, Phường N, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liện lạc: 58/19 TT, Phường MH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1988 (vắng mặt)
Địa chỉ: 58/19 TT, Phường MH, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh .

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích M, sinh năm 1958 (có mặt)
Địa chỉ: 686/52 CMTT, Phường N, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1994 (có mặt)
Địa chỉ: 686/52 CMTT, Phường N, quận TB.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
1. Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1951 (vắng mặt)
Địa chỉ: 234/2E ấp TL, xã TTN, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Ông Nguyễn Bá M1, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: số mới 10 THT (số cũ 236/10 NTB), Phường MH, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Nguyễn Thế Q, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 50/1B, MH I, xã TC, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Vũ Thị H, sinh năm 1954 (vắng mặt)

5. Bà Nguyễn Vũ Quỳnh V, sinh năm 1981 (vắng mặt)

6. Bà Nguyễn Vũ Kim H1, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 80/59 DQH, Phường N, quận GV, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Nguyễn Thị H2 (H Thi Nguyen), sinh năm 1953 (vắng mặt)

Địa chỉ: 4926 W.16Th St, Apt D, SA, CA 92703-1187 USA.

8. Bà Nguyễn Thị Bích N (Bich Nguyen Thi Nguyen), sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: 10400 Park AVE APT Oarden Greve CA 92840 USA.

9. Bà Hoàng Thị L (L Thi Hoang), sinh năm 1955

10. Bà M1 Hoàng N1, sinh năm 1996

Cùng địa chỉ: 1600 HCS PA 18964 Philadenphia, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, bà M1: Bà Nguyễn Thị Bích M, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: 686/52 CMTT, Phường N, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Ông Nguyễn Tiến K, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: 2/234 ấp TL, xã TTN, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện án dân sự ngày 20/02/2017; đơn khởi kiện (sửa đổi) ngày 10/4/2017 của nguyên đơn Ông Nguyễn Quý Đ và các bản tự khai của Bà Bùi Thị H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Căn nhà số 686/52 (số cũ 5/7) CMTT, Phường N, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của cha mẹ ông Đ là ông Nguyễn Văn Q1 và bà Nguyễn Thị G chết để lại, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 308/2003 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cấp ngày 26/11/2003.

Cha mẹ ông Đ có 10 người con gồm: Bà Nguyễn Thị O, Bà Nguyễn Thị H2, Bà Nguyễn Thị Bích M, Ông Nguyễn Bá M1, Bà Nguyễn Thị Bích N, Ông Nguyễn Thế Q, ông Nguyễn Văn Tr (chết không có vợ con), ông Nguyễn Bá K (đã chết) có vợ là Bà Vũ Thị H và các con Nguyễn Vũ Quỳnh V, Nguyễn Vũ Kim H, ông Nguyễn Bá H3 (chết năm 2006) có vợ là Hoàng Thị L và con là M Hoang N, ông là Nguyễn Quý Đ.

Sau khi cha mẹ ông Đ chết thì Bà Nguyễn Thị Bích M quản lý và giữ giấy tờ nhà. Do phát sinh mâu thuẫn nên bà M đã kiện Bà Nguyễn Thị O ra Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Tại Quyết định số 1326/2009/QĐST-DS ngày 28/5/2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh công nhận sự thỏa thuận của những người hưởng thừa kế của cha mẹ ông Đ và cùng đồng ý giữ lại căn nhà 686/52 (số cũ 5/7) CMTT, Phường N, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh làm nhà thờ tổ chưa chia. Riêng Ông Nguyễn Bá M1 được hưởng trị giá 1/8 căn nhà. Ông Đ là một trong số những người được hưởng phần di sản thừa kế của cha mẹ ông Đ.

Hiện nay ông Đ đang gặp khó khăn về kinh tế, hơn nữa trong quá trình sinh sống cùng bà M tại căn nhà số 686/52 (số cũ 5/7) CMTT, Phường N, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh hai chị em phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung. Nay ông Đ khởi kiện yêu cầu Bà Nguyễn Thị Bích M chia di sản thừa kế là căn nhà 686/52 (số cũ 5/7) CMTT, Phường N, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh, ông yêu cầu được nhận 1/9 giá trị căn nhà tương đương với 100.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 28/8/2017, ngày 06/02/2018, bị đơn Bà Nguyễn Thị Bích M trình bày:

Bà thống nhất về nguồn gốc căn nhà số 686/52 (số cũ 5/7) CMTT, Phường N, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh và về nhân thân như ông Đ trình bày.

Do anh chị em mâu thuẫn, nên trước đây bà có khởi kiện bà O ra Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Tòa án đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự ngày 28/5/2009.

Ngày 17/6/2009, bà đã giao cho Ông Nguyễn Bá M1 và vợ con của ông M1 số tiền 302.744.118 đồng và ông M1 có viết giấy cam kết không còn liên quan đến căn nhà 686/52 (số cũ 5/7) CMTT, Phường N, quận TB.

Năm 2010, bà đã giao cho bà O 1/8 giá trị căn nhà là phần thừa kế của bà O được hưởng di sản căn nhà 686/52 (số cũ 5/7) CMTT, Phường N, quận TB.

Đồng thời, bà đã giao cho ông Q và những người thừa kế của ông Nguyễn Bá K là bà H1 phần thừa kế của bà ông Q và ông K được hưởng di sản căn nhà 686/52 (số cũ 5/7) CMTT, Phường N, quận TB (việc giao nhận có làm giấy cam kết và lập vi bằng).

Nay bà đồng ý giao cho ông Đ số tiền 500.000.000 đồng để được hưởng lại phần thừa kế của ông Đ được hưởng di sản từ cha mẹ bà tại căn nhà 686/52 (số cũ 5/7) CMTT, Phường N, quận TB. Đồng thời, ngay sau khi bà giao tiền cho ông Đ thì yêu cầu Tòa án ghi nhận căn nhà nêu trên thuộc quyền sở hữu của bà, vì bà đã hoàn trả tiền cho các đồng thừa kế là ông M1, bà O, ông Đ, ông Q và bà H, bà N đã đồng ý làm giấy cho bà phần thừa kế mà bà H, bà N được hưởng.

Tại bản tự khai ngày 16/01/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị O trình bày:

Bà trình bày thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc nhà 686/52 (số cũ 5/7) CMTT, Phường N, quận TB và về nhân thân.

Khi cha mẹ của tôi là Ông Q1 và bà Gchết thì các anh chị em chúng tôi tự thỏa thuận chia tài sản thừa kế căn nhà 686/52 (số cũ 5/7) CMTT, Phường N, quận TB. Tôi đã nhận số tiền 300.000.000 đồng trên số tiền 302.744.000 đồng của bà M. Nay tôi yêu cầu bà M phải trả cho tôi số tiền còn thiếu là 2.744.000 đồng. Ngoài ra tôi không yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai ngày 16/01/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Bá M1 trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc nhà 686/52 (số cũ 5/7) CMTT, Phường N, quận TB và về nhân thân.

Khi cha mẹ của ông là Ông Q1 và bà Gchết thì các anh chị em tự thỏa thuận chia tài sản thừa kế căn nhà 686/52 (số cũ 5/7) CMTT, Phường N, quận TB. Ông đã nhận đủ số tiền 302.744.118 đồng. Do đó, không tranh chấp gì đối với ông Đ và bà M. Ngoài ra, ông cũng không yêu cầu nhận thêm giá trị trong căn nhà trên.

Tại bản tự khai ngày 16/01/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Thế Q trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc nhà 686/52 (số cũ 5/7) CMTT, Phường N, quận TB và về nhân thân.

Cha mẹ của ông là Ông Q1 và bà Gcó tạo lập căn nhà số 686/52 CMTT, Phường N, quận TB. Ông Q1 và bà Gchết không để lại di chúc. Anh chị em đã dược phân chia di sản thừa kế dựa trên Quyết định số 1326/2009/QĐST-DS ngày 28/5/2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông đã nhận được số tiền 120.000.000 đồng, do ông và bà M tự thỏa thuận với nhau. Nay ông không tranh chấp gì với ông Đ và bà M. Ông cũng không yêu cầu nhận thêm giá trị trong căn nhà 686/52 CMTT, Phường N, quận TB. Nếu có tranh chấp ông sẽ khởi kiện vụ án khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/5/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Vũ Thị H trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Bá K (chết năm 1992), bà và ông K có hai người con là Nguyễn Vũ Quỳnh V và Nguyễn Vũ Kim H.

Nguồn gốc căn nhà 686/52 CMTT, Phường N, quận TB là do ông Nguyễn Văn Q1 và bà Nguyễn Thị G tạo lập. Ông Q1 và bà Gchết không để lại di chúc.

Đối với phần thừa kế của ông K được hưởng trong căn nhà 686/52 CMTT, Phường N, quận TB thì anh chị em đã tự phân chia, bà đại diện ông K đã nhận số tiền 302.744.118 đồng, khi đó bà trích lại 100.000.000 đồng để lo việc ma chay cho cha mẹ, đối với phần này bà không tranh chấp.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà không có ý kiến gì và cũng không yêu cầu gì khác, Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 03/5/2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Vũ Quỳnh V và Bà Nguyễn Vũ Kim H1 trình bày:

Chúng tôi là con của ông Nguyễn Bá K (chết) và Bà Vũ Thị H. Chúng tôi đồng ý với lời khai của Bà Vũ Thị H, gia đình chúng tôi đã nhận phần thừa kế của ông Nguyễn Bá K trong căn nhà 686/52 CMTT, Phường N, quận TB, nên đối với đơn khởi kiện của nguyên đơn chúng tôi không có ý kiến gì

Tại bản tự khai có chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự của Đại sứ quán nước CHXHCN Việt Nam tại Hoa Kỳ ngày 25/9/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị H2 (H Thi Nguyen) và Bà Nguyễn Thị Bích N (Bich Nguyen Thi Nguyen) trình bày:

Cha mẹ của chúng tôi là ông Nguyễn Văn Q1, chết ngày 12/6/1986 và bà Nguyễn Thị G, chết ngày 25/6/2003, chung sống với nhau có chung 10 người con gồm: Ông Nguyễn Bá H3, (chết), có vợ là bà Hoàng Thị L và con là Bà Mary Hoàng N1 (bà Liên làm giấy nhượng lại tài sản cho các người còn lại năm 2006), Bà Nguyễn Thị O, Bà Nguyễn Thị H2, Ông Nguyễn Bá M1, ông Nguyễn Bá K (đã chết) có vợ là Bà Vũ Thị H và các con Nguyễn Vũ Quỳnh V, Nguyễn Vũ Kim H, Bà Nguyễn Thị Bích M, Bà Nguyễn Thị Bích N, ông Nguyễn Văn Tr (chết không có vợ con), ông là Nguyễn Quý Đ, Ông Nguyễn Thế Q.

Chúng tôi có công đóng góp, tu sửa căn nhà 686/52 (số cũ 5/7) CMTT, Phường N, quận TB nhưng chúng tôi không có yêu cầu độc lập trong vụ án này. Đối với yêu cầu của Ông Nguyễn Quý Đ thì chúng tôi không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Phần thừa kế căn nhà 686/52 (số cũ 5/7) CMTT, Phường N, quận TB mà chúng tôi được hưởng từ bố mẹ của chúng tôi là Ông Q1 và bà G thì chúng tôi xin tặng cho Bà Nguyễn Thị Bích M để bà M được toàn quyền quyết định. Chúng tôi xin cam kết không tranh chấp hay khiếu nại gì về sau.

Tại bản tự khai ngày 07/3/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Tiến K trình bày:

Tôi là con của Bà Nguyễn Thị O. Gia đình tôi đã nhận thừa kế của Bà Nguyễn Thị Bích M trong căn nhà 686/52 CMTT, Phường N, quận TB. Đồng thời, tôi đã dọn ra khỏi nhà và không còn tranh chấp gì, nên đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tôi không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

+ Nguyên đơn Ông Nguyễn Quý Đ yêu cầu chia thừa kế đối với phần di sản của ông Nguyễn Văn Q1 và Nguyễn Thị Gắt chết để lại là căn nhà 686/52 CMTT, Phường N, quận TB theo quy định của pháp luật và xin nhận tổng giá trị là 500.000.000 đồng, đồng thời sẽ dọn ra khỏi nhà giao lại toàn bộ phần nhà đang sử dụng cho bà M và không còn quyền lợi liên quan gì đến căn nhà nêu trên.

+ Bị đơn Bà Nguyễn Thị Bích M ủy quyền cho Ông Nguyễn Ngọc T đại diện đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn ông Đ. Bà M sẽ giao cho ông Đ 500.000.000 đồng là phần thừa kế của ông Đ được hưởng di sản của Ông Q1, bà Gắt. Sau khi bà M giao tiền cho ông Đ thì ông Đ không còn quyền lợi gì đến căn nhà 686/52 CMTT, Phường N, quận TB.

Đồng thời, bà M đã thỏa thuận được với bà O, ông M1, ông Q, bà H1, bà V, bà H2 và đã thanh toán tiền cho các đồng thừa kế nêu trên. Ngoài ra, bà M được bà H, bà N, bà Liên, Bà Mary Hoàng N1 tặng cho phần thừa kế, nên yêu cầu được sang tên đứng tên căn nhà 686/52 CMTT, Phường N, quận TB.

+ Bà Hoàng Thị L, Bà Mary Hoàng N1 cùng ủy quyền cho bà M đại diện thống nhất với sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn. Đồng thời, đồng ý bị đơn được sang tên nhà đứng tên bà M theo quy định của pháp luật.

+ Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án. Đồng thời, các đương sự trong vụ án được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 308/2003 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cấp ngày 26/11/2003 và việc kết hôn của Ông Q1, bà G được thừa nhận trong lời khai của các đương sự, xác định nhà, đất tọa lạc tại số 686/52 Cách Mạng Tháng 8, Phường 5, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của Ông Q1, bà Gtrong thời kỳ hôn nhân. Đồng thời, căn cứ Giấy chứng tử của Ông Q1, bà Gthì Ông Q1 chết năm 1986 và bà Gchết năm 2003. Do đó, căn nhà 686/52 Cách Mạng Tháng 8, Phường 5, quận Tân Bình là di sản của Ông Q1, bà Gắt.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự có cơ sở xác định Ông Q1 và bà Gcó 10 người con chung gồm: Bà Nguyễn Thị O, Bà Nguyễn Thị H2, Bà Nguyễn Thị Bích M, Ông Nguyễn Bá M1, Bà Nguyễn Thị Bích N, Ông Nguyễn Quý Đ, Ông Nguyễn Thế Q, ông Nguyễn Bá K (chết) có vợ là Bà Vũ Thị H và con là Nguyễn Vũ Quỳnh V, Nguyễn Vũ Kim H, ông Nguyễn Văn Tr (chết không có vợ con) và Ông Q1 có 01 người con riêng là Nguyễn Bá H3 (chết năm 2006) có vợ là bà Hoàng Thị L và con là Mary Hoàng Nguyễn.

Căn cứ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 1326/2009/QĐST-DS ngày 28/5/2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: Về di sản thừa kế là căn nhà 686/52 (số cũ 5/7) Cách Mạng Tháng 8, Phường 5, quận Tân Bình nhưng lại không đưa vợ con của ông Nguyễn Bá H3 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Trong quá trình thực hiện Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 1326/2009/QĐST-DS ngày 28/5/2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, bà M đã thanh toán kỷ phần cho bà O, ông M1, ông Q, ông K (có vợ bà H1 và con là bà Vi, bà H2) và bà N, bà H tặng cho kỷ phần cho bà M; bà Liên và bà Mary tặng cho lại kỷ phần của ông Hải cho 06 đồng thừa kế ở Việt Nam. Riêng ông Đ chưa nhận giá trị kỷ phần được hưởng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đ và bà M tự thỏa thuận với nhau, bà M sẽ hoàn giá trị kỷ phần cho ông Đ với số tiền 500.000.000 đồng, sự thỏa thuận này không trái với quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và ghi nhận sự tự nguyện của ông Đ và bà M. Án phí dân sự sơ thẩm, ông Đ phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Ông Nguyễn Quý Đ khởi kiện bị đơn Bà Nguyễn Thị Bích M yêu cầu chia di sản thừa kế là căn nhà 686/52 (số cũ 5/7) CMTT, Phường N, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh của ông Nguyễn Văn Q1 và bà Nguyễn Thị G, chết để lại. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị H2, Bà Nguyễn Thị Bích N, Bà Hoàng Thị L (L Thi Hoang), Bà Mary Hoàng N1 hiện cư trú tại Hoa Kỳ. Do wo canp cl khoan 5 Điều 26; khoản 3 Điều 35; wiekm a, c khoan 1 Wiefu 37; điểm a khoản 1 Điều 38 va~wiekm c khoan 1 Wiefu 39 Bojluaj togdanh sl u vuuan thuojc thakm quyefn giai quyeg cua Toa-a an nhan dan Thanh phog HofChs Minh.

[2] Ngl zi- co quyefn lzu, nghya vuulienh quan Bà Nguyễn Thị O, Ông Nguyễn Bá M1, Ông Nguyễn Thế Q, Bà Vũ Thị H, Bà Nguyễn Vũ Quỳnh V, Bà Nguyễn Vũ Kim H1, Bà Nguyễn Thị H2 (H Thi Nguyen), Bà Nguyễn Thị Bích N (Bich Nguyen Thi Nguyen), Ông Nguyễn Tiến K xin được vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định của pháp luật.

[3] Ngày 22/01/2019, Bà Nguyễn Thị O có đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu Bà Nguyễn Thị Bích M phải trả cho bà O số tiền 2.744.000 đồng. Ngày 22/01/2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ra Thông báo cho Bà Nguyễn Thị O nộp tiền tạm ứng án phí và đã tống đạt thông báo nộp tiền tạm ứng án phí cho bà O nhưng bà O không nộp tạm tiền tạm ứng án phí. Đồng thời, ngày 28/3/2019 Bà Nguyễn Thị O có đơn xin rút đơn yêu cầu độc lập. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét đối với yêu cầu độc lập của bà O.

[4] Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 308/2003 do Ủy ban nhân dân quận Tân Bình cấp ngày 26/11/2003 thể hiện: Ông Nguyễn Văn Q1 (chết năm 1986) và bà Nguyễn Thị G là chủ sở hữu nhà, đất tọa lạc tại số 686/52 Cách Mạng Tháng 8, Phường 5, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Theo các Giấy chứng tử bản sao, kết quả xác minh của Công an Phường 5, quận Tân Bình và lời khai của các đương sự thống nhất ông Nguyễn Văn Q1, chết ngày 12/6/1986, bà Nguyễn Thị G, chết ngày 25/6/2003, ông Nguyễn Bá K, chết năm 1992, ông Nguyễn Bá H3, chết ngày 26/02/2003 và ông Nguyễn Văn Tr (chết không có vợ con). Đồng thời, cha mẹ của Ông Q1 và bà Gđều đã chết. Tất cả đều không để lại di chúc.

[6] Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 1326/2009/QĐST-DS ngày 28/5/2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Xác định căn nhà 5/7 (số mới 686/52) Cách Mạng Tháng 8, Phường 5, quận Tân Bình là di sản của ông Nguyễn Văn Q1 (chết năm 1986), bà Nguyễn Thị G (chết năm 2003) để lại.

Xác định những người được hưởng thừa kế di sản của Ông Q1, bà Ggồm: Bà Nguyễn Thị O, Bà Nguyễn Thị H2, Bà Nguyễn Thị Bích M, Ông Nguyễn Bá M1, Bà Nguyễn Thị Bích N, Ông Nguyễn Quý Đ, Ông Nguyễn Thế Q, ông

Nguyễn Bá K (chết) có vợ là Bà Vũ Thị H và con là Nguyễn Vũ Quỳnh V, Nguyễn Vũ Kim H, ông Nguyễn Văn Tr (chết không có vợ con).

Bà M, bà O, bà H, bà N, ông Đ, ông Q, bà H1 và con là Quỳnh Vi, Kim Hương cùng đồng ý giữ lại căn nhà 686/52 Cách Mạng Tháng 8, Phường 5, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh để làm nhà thờ tổ chưa chia.

Riêng phần của Ông Nguyễn Bá M1 được hưởng 1/8 giá trị căn nhà theo biên bản định giá ngày 28/4/2009 là 302.744.118 đồng. Bà M hoàn lại cho ông M1 để được hưởng sở hữu phần của ông M1.

Đồng ý cho Ông Nguyễn Tiến K là con của bà O lưu cư trong căn nhà trên.

[7] Theo Giấy cam kết ngày 17/6/2009 của Ông Nguyễn Bá M1 và vợ, con của ông M1 có nội dung: Nay tôi đã nhận đủ 302.150.118 đồng do bà M giao và 1/8 căn nhà của tôi do bà M quản lý. Từ nay tôi và vợ con không còn quyền lợi và trách nhiệm phần tài sản kể trên.

[8] Theo Biên bản cuộc họp (về việc thỏa thuận, xác nhận và cam kết về di sản thừa kế) giữa Bà Nguyễn Thị Bích M với Ông Nguyễn Thế Q ngày 10/11/2016 có nội dung: Bà M và ông Q xác nhận là hai trong các đồng thừa kế của Ông Q1 và bà Gắt. Nay hai bên thỏa thuận thống nhất việc phân chia quyền thừa kế của mình đối với di sản nhà, đất 686/52 Cách Mạng Tháng 8, Phường 5, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: Ông Q đồng ý nhận của bà M số tiền 120.000.000 đồng để chuyển quyền thừa kế của của ông Q cho bà M.

[9] Theo Vi bằng số 575/2016/VB-TPLQ.10 do Văn phòng Thừa phát lại Quận 10 lập ngày 10/11/2016 giữa Bà Nguyễn Thị Bích M và Ông Nguyễn Thế Q có nội dung: Cuộc họp thể hiện tại "Biên bản cuộc họp lập ngày 10/11/2016" do các bên tự lập và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật.

[10] Theo Giấy cam kết ngày 31/12/2010 của Bà Nguyễn Thị O có nội dung: Tôi nhận đủ số tiền 302.000.000 đồng đúng như Quyết định số 1326/2009/QĐST-DS ngày 28/5/2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tôi được thừa kế 1/8 căn nhà của cha mẹ tôi qua đời để lại. Kể từ ngày nhận số tiền nêu trên tôi không còn liên quan gì đến căn nhà số 686/52 Cách Mạng Tháng 8, Phường 5, quận Tân Bình. Đồng thời, tôi có một con trai là Nguyễn Tiến Khoa, trước đây thường trú ở căn nhà theo Quyết định của Tòa án nêu trên nhưng từ khi nhận tiền của bà M thì Khoa phải về ở với tôi và cũng không còn liên quan gì đến căn nhà.

[11] Theo Vi bằng số 171/VB-TPL do Văn phòng Thừa phát lại lập ngày 31/12/2010 có nội dung: Ngày 31/12/2010, Bà Nguyễn Thị Bích M giao cho Bà Nguyễn Thị O số tiền 302.744.118 đồng, số tiền này là của bà M giao cho bà O để bà M được hưởng phần sở hữu của bà O do cha mẹ để lại trong căn nhà 686/52 Cách Mạng Tháng 8, Phường 5, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh mà lẽ ra theo quy định của pháp luật thì bà O được hưởng theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 1326/2009/QĐST-DS ngày 28/5/2009 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[12] Theo Giấy nhượng lại tài sản của bà Hoang Thi Lien (Lien Thi Hoang) và bà M Hoang N ngày 06/6/2006 thể hiện: Chồng của bà là ông Nguyễn Bá H3 chết ngày 26/02/2003. Do đó, chúng tôi nhượng lại cho 06 người

con còn lại ở Việt Nam là Bà Nguyễn Thị O, Ông Nguyễn Bá M1, Bà Nguyễn Thị Bích M, bà H1 (vợ của ông K), Ông Nguyễn Quý Đ, Ông Nguyễn Thế Q.

[13] Theo biên bản giải quyết việc thi hành án do Cục Thi hành án dân sự lập ngày 24/4/2015 có nội dung: Bà H1, bà Vi, bà H2 (là thừa kế của ông K) đồng ý cho bà M hoàn trả số tiền 190.000.000 đồng là xem như thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án theo Quyết định số 683/QĐST-DS ngày 16/6/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Số tiền còn lại là 60.000.000 đồng chúng tôi không yêu cầu thi hành án tiếp tục thu. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 50 Luật Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định đình chỉ thi hành án đối với số tiền 60.000.000 đồng và bà H1, bà Vi, bà H2 không có quyền yêu cầu thi hành án đối với số tiền 60.000.000 đồng kể từ ngày 24/4/2015. Như vậy, bà M đã thực hiện xong nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

[14] Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đ và bà M ủy quyền cho ông Thực đại diện thỏa thuận như sau: Bà Nguyễn Thị Bích M được sở hữu toàn bộ kỷ phần thừa kế của Ông Nguyễn Quý Đ được hưởng từ di sản của ông Nguyễn Văn Q1 và bà Nguyễn Thị G để lại tại căn nhà 686/52 CMTT, Phường N, quận TB. Bà Nguyễn Thị Bích M có nghĩa vụ hoàn lại cho Ông Nguyễn Quý Đ số tiền 500.000.000 đồng là phần thừa kế của Ông Nguyễn Quý Đ được hưởng từ di sản của ông Nguyễn Văn Q1 và bà Nguyễn Thị G ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, sau khi bà M thanh toán số tiền nêu trên cho ông Đ thì ông Đ phải dọn ra khỏi nhà và không còn quyền lợi liên quan gì đến căn nhà 686/52 CMTT, Phường N, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét việc thỏa thuận của ông Đ và bà M không trái với các quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[15] Căn cứ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 1326/2009/QĐST-DS ngày 28/5/2009; Quyết định số 683/QĐST-DS ngày 16/6/2014 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Giấy cam kết của Ông Nguyễn Bá M1 và vợ con của ông M1 lập ngày 17/6/2009; Giấy cam kết của Bà Nguyễn Thị O lập ngày 31/12/2010; Vi bằng số 171/VB-TPL do Văn phòng Thừa phát lại Quận 8 lập ngày 31/12/2010 giữa bà M và bà O; Biên bản cuộc họp (về việc thỏa thuận, xác nhận và cam kết về di sản thừa kế) giữa bà M và ông Q; Vi bằng số 575/2016/VB-TPLQ.10 do Văn phòng Thừa phát lại Quận 10 lập ngày 10/11/2016 giữa bà M và ông Q; Biên bản giải quyết thi hành án do Cục Thi hành án dân sự lập ngày 24/4/2015 giữa bà M bên thi hành án và bà H1, bà Vi, bà H2 bên được thi hành án; Giấy nhượng lại tài sản của Bà Hoàng Thị L (L Thi Hoang) và bà M Hoang N ngày 06/6/2006 và các bản tự khai của Ông Nguyễn Bá M1, Bà Nguyễn Thị O cùng ngày 16/01/2018; biên bản lấy lời khai Bà Vũ Thị H ngày 03/5/2018; bản tự khai của Bà Nguyễn Vũ Quỳnh V, Bà Nguyễn Vũ Kim H1 cùng ngày 03/5/2018, thể hiện các đương sự bà O, ông M1, ông Q, bà H1, bà Vi, bà H2 (bà H1, bà Vi, bà H2 là vợ và con của ông K) đã nhận giá trị phần được thừa kế di sản của Ông Q1, bà Gchết để lại đối với nhà, đất tại số 686/52 Cách Mạng Tháng 8, Phường 5, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh do Bà Nguyễn Thị Bích M thanh toán và cam kết không còn quyền lợi, liên quan đến căn nhà nêu trên.

[16] Đồng thời, tại bản tự khai có chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự của Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày 25/9/2017, Bà Nguyễn Thị H2 (H Thi Nguyen) và Bà Nguyễn Thị Bích N (Bich Nguyen Thi Nguyen) đồng ý tặng cho Bà Nguyễn Thị Bích M phần thừa kế được hưởng từ Ông Q1, bà Gđối với căn nhà 686/52 Cách Mạng Tháng 8, Phường 5, quận Tân Bình. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[17] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu và đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà M hoàn cho ông Đ số tiền 500.000.000 đồng là phần ông Đ được hưởng thừa kế. Ngay sau khi bà M giao tiền cho ông Đ thì ông Đ phải dọn ra khỏi nhà và không còn quyền lợi liên quan gì đến căn nhà 686/52 CMTT, Phường N, quận TB.

Như đã nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ, nên chấp nhận.

[18] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đ chịu trên số tiền 500.000.000 đồng được hưởng thừa kế là 20.000.000 đồng + (100.000.000 đồng x 4%) = 24.000.000 đồng.

Bà M không phải chịu.

Vr cac le{treh.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; khoản 3 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 147; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố dân sự;

Căn cứ Điều 649; Điều 650; Điều 660; Điều 662; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 27 Chương III Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Nguyễn Thị Bích M và Ông Nguyễn Quý Đ như sau: Bà Nguyễn Thị Bích M được sở hữu toàn bộ kỷ phần thừa kế của Ông Nguyễn Quý Đ được hưởng từ di sản của ông Nguyễn Văn Q1 và bà Nguyễn Thị G để lại tại căn nhà 686/52 CMTT, Phường N, quận TB. Đồng thời, Bà Nguyễn Thị Bích M có nghĩa vụ hoàn lại cho Ông Nguyễn Quý Đ số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) là phần thừa kế của Ông Nguyễn Quý Đ được hưởng từ di sản của ông Nguyễn Văn Q1 và bà Nguyễn Thị G.

Ông Nguyễn Quý Đ phải dọn ra khỏi nhà và bàn giao phần của Ông Nguyễn Quý Đ đang sử dụng trong căn nhà 686/52 CMTT, Phường N, quận TB cho Bà Nguyễn Thị Bích M. Ông Nguyễn Quý Đ không còn quyền lợi gì liên quan đến căn nhà.

Các bên thi hành việc giao tiền và bàn giao nhà ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Ông Nguyễn Quý Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà M chưa thi hành số tiền nêu trên, thì hàng tháng Bà Nguyễn Thị Bích M còn phải chịu lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và khoản tiền chậm thi hành án.

2. Ghi nhận Bà Nguyễn Thị H2 (H Thi Nguyen) và Bà Nguyễn Thị Bích N (Bich Nguyen Thi Nguyen) tặng cho Bà Nguyễn Thị Bích M phần thừa kế được hưởng từ di sản ông Nguyễn Văn Q1, bà Nguyễn Thị G tại căn nhà 686/52 Cách Mạng Tháng 8, Phường 5, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Sau khi Bà Nguyễn Thị Bích M thanh toan số tiền nêu trên cho Ông Nguyễn Quý Đ, thr Bà Nguyễn Thị Bích M wl zu quyeh lieh hejcac cz quan chl c naing co thakm quyeh hzp thl c hoa, sang tên toàn bộ quyền sở hl tu nha~z va~quyeh sl dung wagz wl ng teh Bà Nguyễn Thị Bích M woigvzi nha~wag tại số 686/52 Cách Mạng Tháng 8, Phường 5, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy wnh cua phap luaj.

4. Vefan phs dah sl usz thakm: Ông Nguyễn Quý Đ chịu 24.000.000đ (hai mươi bốn triệu đồng) được trừ vào số tiền 2.500.000đ (hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0034251 ngày 22/5/2017 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Quý Đ còn phải nộp 21.500.000đ (hai mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng).

5. An xl cohng khai sz thakm, Ông Nguyễn Quý Đ, Bà Nguyễn Thị Bích M, Bà Hoàng Thị L (L Thi Hoang), bà M Hoang N (bà Liên và bà Mary ủy quyền cho bà M đại diện), có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị O, Ông Nguyễn Bá M1, Ông Nguyễn Thế Q, Bà Vũ Thị H, Bà Nguyễn Vũ Quỳnh V, Bà Nguyễn Vũ Kim H1, Ông Nguyễn Tiến K vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án. Bà Nguyễn Thị H2 (H Thi Nguyen), Bà Nguyễn Thị Bích N (Bich Nguyen Thi Nguyen) hiện cư trú ở nước ngoài vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Tối Cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Ngọc Tường